

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST

Ngày: 07-6-2023

V/v Tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Tiến Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rễn;
2. Bà Lê Thị Sinh Phương.

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Cao Cường, Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu phố X, phường Y, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. “vắng mặt”

2. *Bị đơn:* Ông Võ Hồng Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tây Ninh. “vắng mặt”

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu phố M1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Tây Ninh. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-8-2022 và trong quá trình làm việc nguyên đơn - bà Phạm Thị Mỹ L trình bày:

Do người thân giới thiệu ông Võ Hồng Q đang cần tiền để làm ăn nên bà đồng ý cho ông Q vay tiền. Ngày 23-6-2021 dương lịch tại nhà ông Q, bà cho ông Q vay số tiền 60.000.000 đồng. Khi vay tiền, ông Q có viết Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 23/6/2021, có ông Võ Văn Ngạch là anh họ của ông Q (gần nhà ông Q) làm chứng. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 5.000.000 đồng/60.000.000 đồng/01 tháng (tương đương 8,3%/tháng), không thỏa thuận thời gian thanh toán, ông Q có giao Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 0463xx do ông Võ Hồng Q và bà Võ Thị G đứng tên, Đơn hiến đất làm đường ngày 06/8/2020 có chứng thực của UBND thị trấn N và Bản đồ hiện trạng vị trí đất cho bà L giữ để làm tin. Khoảng 02 tháng sau khi vay tiền, bà L có gọi điện yêu cầu ông Q trả tiền lãi, nhưng không liên lạc được và đến nhà tìm nhiều lần vẫn không gặp nên chưa đòi được tiền gốc và tiền lãi lần nào.

Do đó, bà L yêu cầu ông Võ Văn Q trả lại số tiền gốc 60.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi. Ngoài ra, không yêu cầu ai khác cùng ông Q trả số tiền này. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 0463xx và các giấy tờ khác khi nào ông Q thanh toán xong số tiền gốc cho bà thì bà đồng ý trả lại cho ông Q.

Bị đơn - ông Võ Hồng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không ghi lời khai, không tiến hành hòa giải được, đã tiến hành tổng đạt hợp lệ ông Q đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông Q vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không ghi lời khai, không tiến hành hòa giải được, đã tiến hành tổng đạt hợp lệ bà G đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà G vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Bị đơn là ông Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà G đều đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt và

không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Q, bà G. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 và 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ L đối với ông Võ Hồng Q. Buộc ông Võ Hồng Q có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Mỹ L số tiền vay là 60.000.000 đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu trả tiền lãi.

Về chi phí giám định: Buộc ông Võ Hồng Q phải chịu chi phí giám định chữ viết, chữ ký theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Võ Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Mỹ L khởi kiện ông Võ Hồng Q tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, ông Q có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết, bị đơn là ông Võ Hồng Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông Q, bà G. Ông Q phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 6; Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà L. Do đó,

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông Q:

[2.1] Bà L yêu cầu ông Q trả số tiền gốc 60.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 23/6/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q đã được Tòa án thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông Q không đến, từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không yêu cầu cầu phản tố, không cung cấp tài liệu chứng cứ. Qua xác minh có sự việc ông Q vay tiền của bà L và theo Kết quả giám định số 1705/KL-KTHS ngày 12/4/2023 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện chữ ký, chữ viết trong Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 23/6/2021 là của ông Q. Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa bà L và ông Q là có thật. Nội dung hợp đồng không thỏa thuận thời hạn thanh toán nên xác định là hợp đồng vay không có kỳ hạn theo Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L khởi kiện yêu cầu ông Q trả tiền vay là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông Q là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Theo bà L trình bày giữa bà L và ông Q có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 5.000.000 đồng/60.000.000 đồng/01 tháng (tương đương là 8,3%/tháng hay 100%/năm), nhưng từ khi vay cho đến nay không nhận được tiền gốc và tiền lãi. Xét thấy lãi suất 100%/năm cao hơn mức lãi suất do nhà nước quy định là 20%/năm theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Quá trình làm việc, bà L không yêu cầu trả tiền lãi, ông Q không có ý kiến gì về việc đã thanh toán được tiền gốc và tiền lãi cho bà L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông Q. Buộc ông Võ Hồng Q có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Mỹ L số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông Q trả tiền lãi và yêu cầu người khác cùng ông Q trả số tiền này.

[3] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 0463xx do ông Võ Hồng Q và bà Võ Thị G đứng tên; Đơn hiến đất làm đường ngày 06/8/2020 có chứng thực của UBND thị trấn Bến Cầu và Bản đồ hiện trạng vị trí đất. Bà L đồng ý trả lại cho ông Q khi thanh toán xong số tiền 60.000.000 đồng. Tòa án đã tiến hành tổng đạt nhiều lần

cho ông Q và bà G, nhưng ông Q và bà G không có ý kiến hoặc yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định: Do yêu cầu giám định của bà L là có căn cứ nên ông Võ Hồng Q phải chịu 3.500.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ghi nhận bà L đã nộp tạm ứng số tiền 3.500.000 đồng và đã chi xong. Ông Q có nghĩa vụ trả lại cho bà L số tiền 3.500.000 đồng.

[6] Về án phí: Ông Võ Hồng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bà Phạm Thị Mỹ L được trả tiền tạm ứng án phí theo quy định. Bà Nguyễn Thị G không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 và 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ L đối với ông Võ Hồng Q.

Buộc ông Võ Hồng Q có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị Mỹ L số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu ông Q trả tiền lãi và yêu cầu người khác cùng ông Q trả số tiền này.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Mỹ L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Hồng Q không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông Q còn phải trả cho bà L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định: Buộc ông Võ Hồng Q trả lại số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết cho bà Phạm Thị Mỹ L.

3. Về án phí: Ông Võ Hồng Q phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Mỹ L số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số:

0022819 ngày 17-10-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị G không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Mỹ L, ông Võ Hồng Q và bà Nguyễn Thị G được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp pháp.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- Phòng GDKTNV&THA;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục Thi hành án H. Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Tiến Danh